

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Giao thông vận tải về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 - 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 855/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí;

Căn cứ Chương trình hành động số 228-CTr/VPBCS ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Ban Cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Giao thông vận tải về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng các Vụ; Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Cục trưởng các Cục thuộc Bộ; Giám đốc các Ban quản lý dự án; Giám đốc các Sở Giao thông vận tải; Viện trưởng Viện Chiến lược và Phát triển GTVT; Hiệu trưởng Trường Cán bộ quản lý GTVT và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.!

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Đảng ủy Bộ GTVT;
- Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Đoàn TNCS HCM Bộ GTVT;
- Văn phòng BCS đảng Bộ GTVT;
- Sở GTVT các tỉnh, thành phố;
- Công Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, MT_{NTT}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Anh Tuấn



Kế hoạch hành động của Bộ Giao thông vận tải về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 452 /QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải)

Kế hoạch hành động của Bộ Giao thông vận tải về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 - 2025 để cụ thể hoá thực hiện các chủ trương, chính sách và chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác tài nguyên, môi trường trong ngành GTVT nhằm phát triển giao thông vận tải bền vững, thân thiện môi trường.

I. MỤC TIÊU

1. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Lòng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu trong cập nhật, xây dựng mới 100% quy hoạch phát triển GTVT.

b) Từng bước nâng cao khả năng chống chịu biến đổi khí hậu đối với kết cấu hạ tầng GTVT, nhất là tại khu vực miền núi và đồng bằng sông Cửu Long.

c) Thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong hoạt động GTVT, góp phần vào mục tiêu giảm 7,3% phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường (BAU) của quốc gia.

2. Về quản lý tài nguyên

a) Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong các hoạt động của ngành GTVT.

b) Tiếp tục thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng trong GTVT theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

3. Về bảo vệ môi trường

a) 100% quy hoạch phát triển GTVT được đánh giá môi trường chiến lược theo quy định.

b) 100% dự án đầu tư, công trình xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định.

c) Kiểm soát cơ bản được nguồn gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và hàng hải, hàng không.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và đội ngũ cán bộ, công chức ngành GTVT

a) Tiếp tục đẩy mạnh quán triệt, tuyên truyền, hướng dẫn thi hành pháp luật, tạo sự thống nhất trong toàn Ngành về nhận thức và hành động trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tổ chức thường xuyên hoạt động hưởng ứng các ngày môi trường.

b) Tiếp tục lồng ghép nội dung về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, quản lý và sử dụng đất, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng năng lượng tái tạo, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, quản lý chất thải, .v.v. trong công tác đào tạo, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành GTVT.

c) Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện giao thông công cộng, phương tiện GTVT thân thiện với môi trường.

d) Phát huy vai trò của truyền thông, gia tăng số lượng, chất lượng tin, bài tuyên truyền, phổ biến về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường GTVT trên các ấn phẩm và trên các trang thông tin điện tử.

đ) Kịp thời khen thưởng, biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường GTVT.

2. Tăng cường khả năng chống chịu biến đổi khí hậu đối với kết cấu hạ tầng GTVT

a) Lồng ghép thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu trong công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển GTVT giai đoạn 2021 - 2025; nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy ở những vùng thường bị đe dọa bởi lũ, lụt, nước biển dâng, đặc biệt khu vực đồng bằng sông Cửu Long; nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ có khả năng chống chịu với sạt lở đất khu vực miền núi phía bắc và Tây Nguyên.

b) Rà soát sửa đổi bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Vận động, thu hút sự tham gia của các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong GTVT.

đ) Tăng cường năng lực quan trắc khí tượng thủy văn và năng lực dự báo, cảnh báo, truyền tin về thiên tai, hiện tượng khí hậu cực đoan.

e) Phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng cơ sở dữ liệu biến đổi khí hậu, khung hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí

hậu; tăng cường năng lực phân tích, đánh giá tác động, rủi ro biến đổi khí hậu; hướng dẫn xác định, lựa chọn hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Nâng cao năng lực quản lý phát thải khí nhà kính trong ngành GTVT

a) Tăng cường năng lực đội ngũ công chức quản lý phát thải khí nhà kính trong toàn Ngành.

b) Xây dựng, ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý phát thải khí nhà kính trong ngành GTVT phù hợp với Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hàng hải và hàng không mà Việt Nam là thành viên.

c) Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, báo cáo, thẩm định (MRV) điện tử cho các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính ngành GTVT.

d) Thực hiện kiểm kê khí nhà kính trong ngành GTVT định kỳ 02 năm một lần; nghiên cứu, cập nhật các kịch bản giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong GTVT đến năm 2050 theo hướng phát triển các-bon thấp.

đ) Xây dựng, triển khai Kế hoạch hành động giảm phát thải khí CO₂ trong hàng không dân dụng giai đoạn 2021 - 2025; nghiên cứu, đánh giá, chuẩn bị cho lĩnh vực hàng không tham gia vào thị trường tín chỉ các-bon theo quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng thế giới (ICAO).

e) Nghiên cứu xây dựng lộ trình quốc gia về giảm phát thải khí thải từ hoạt động của tàu biển theo hướng dẫn của Tổ chức Hàng hải thế giới (IMO).

g) Xúc tiến hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực hỗ trợ của cộng đồng quốc tế trong đào tạo nâng cao năng lực và xây dựng chính sách, pháp luật về quản lý phát thải khí nhà kính trong GTVT.

4. Đẩy mạnh công tác sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong GTVT

a) Nghiên cứu xây dựng chương trình, đề án quốc gia phát triển phương tiện giao thông vận tải, hệ thống giao thông vận tải công cộng thân thiện với môi trường trong đó có phương tiện giao thông điện.

b) Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức tiêu thụ nhiên liệu (năng lượng) đối với xe ô tô con đến 09 chỗ ngồi và xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; nghiên cứu, xây dựng quy định về dán nhãn năng lượng cho xe ô tô điện, ô tô hybrid điện, xe mô tô điện, xe gắn máy điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.

c) Chủ động theo dõi, tổ chức triển khai các quy định của IMO và ICAO về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong lĩnh vực hàng hải và hàng không dân dụng.

d) Tiếp tục thúc đẩy phát triển vận tải hàng hóa đa phương thức; nâng cao thị phần của hệ thống vận tải đường sắt, đường thủy nội địa và vận tải biển.

đ) Nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng tại các đô thị; đẩy nhanh tiến độ đầu tư phương thức vận tải nhanh, khối lượng lớn như MRT, BRT tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; ưu tiên đầu tư, khai thác vận hành các loại xe buýt, xe taxi tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện môi trường như: xe hybrid; xe sử dụng nhiên liệu CNG, LPG; xe điện; .v.v.

e) Tăng cường ứng dụng năng lượng tái tạo, công nghệ ít tiêu tốn năng lượng như pin năng lượng mặt trời, đèn LED, .v.v. vào các hạng mục chiếu sáng, báo hiệu giao thông, .v.v. trong dự án đầu tư và công trình bảo trì kết cấu hạ tầng GTVT.

g) Mở rộng ứng dụng công nghệ thu phí không dừng trên các tuyến quốc lộ, đường cao tốc.

h) Triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay; tiếp tục nghiên cứu tối ưu hóa đường bay, phương pháp bay nhằm tiết kiệm nhiên liệu trong hoạt động bay.

5. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong các hoạt động của ngành GTVT

a) Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất; giảm thiểu tác động đến cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái trong lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển GTVT.

b) Lồng ghép thực hiện biện pháp sử dụng tiết kiệm, hợp lý các loại vật liệu là tài nguyên thiên nhiên (đất, đá, cát sỏi, .v.v.) trong các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

c) Nghiên cứu sử dụng vật liệu tái chế, tái sử dụng đất đào, bùn cát nạo vét trong đầu tư xây dựng và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông.

6. Tăng cường bảo vệ môi trường trong công tác quy hoạch, đầu tư phát triển và bảo trì kết cấu hạ tầng GTVT

a) Rà soát bổ sung, sửa đổi và xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy định kỹ thuật về bảo vệ môi trường trong công tác quy hoạch, đầu tư phát triển và bảo trì kết cấu hạ tầng GTVT cho phù hợp với Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Tuân thủ quy định pháp luật về đánh giá môi trường chiến lược trong xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch phát triển GTVT.

c) Nâng cao chất lượng công tác lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường trong chuẩn bị dự án đầu tư và công trình bảo trì kết cấu hạ tầng GTVT.

d) Lồng ghép các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, công trình bảo trì kết cấu hạ tầng GTVT vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng với nhà thầu thi công xây dựng.

đ) Tổ chức thực hiện nghiêm biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường (nhất là các biện pháp ngăn ngừa, hạn chế, giảm thiểu bụi, khí thải), công tác quản lý chất thải, công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu và công tác quan trắc, giám sát môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

e) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

7. Kiểm soát phát thải các loại chất thải từ hoạt động của phương tiện, thiết bị GTVT

a) Triển khai áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 5 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; nghiên cứu đề xuất nâng cao mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.

b) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất quy định về kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông trong xây dựng Luật giao thông đường bộ sửa đổi; tổ chức mạng lưới cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy phù hợp với Luật giao thông đường bộ sửa đổi; nghiên cứu áp dụng phương pháp kiểm tra có tải đối với xe ô tô đang lưu hành.

c) Rà soát sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngăn ngừa ô nhiễm đối với phương tiện thủy nội địa, tàu biển theo quy định pháp luật của Việt Nam và Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

d) Xây dựng đề án gia nhập Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn lắng nước dẫn tàu 2004 (Công ước BWM 2004), Công ước quốc tế Hồng Kông về tái sinh tàu an toàn và thân thiện với môi trường năm 2010 (Công ước SR 2010).

đ) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải từ phương tiện giao thông tại nhà ga, cảng, bến.

e) Nâng cao năng lực, đầu tư phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác kiểm định về bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị GTVT.

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới trong quản lý, xử lý chất thải từ hoạt động của phương tiện, thiết bị GTVT.

8. Thúc đẩy doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ giao thông vận tải xanh

a) Đẩy mạnh thiết lập, triển khai quản lý môi trường theo ISO 14001 và quản lý năng lượng theo ISO 5001.

b) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý hoặc hợp đồng với các tổ chức có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định; thu gom, xử lý triệt để nước thải,

đáp ứng quy chuẩn môi trường; thực hiện quan trắc định kỳ các thông số môi trường về nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung, .v.v. theo quy định.

c) Quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định pháp luật và Chỉ thị số 10/CT-BGTVT ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

d) Tổ chức triển khai Đề án phát triển cảng xanh tại Việt Nam theo Quyết định số 2027/QĐ-BGTVT ngày 20/10/2020 của Bộ Giao thông vận tải.

đ) Xây dựng năng lực và chủ động tổ chức thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu, sự cố tràn hóa chất trong phạm vi trách nhiệm theo quy định.

e) Hoàn thiện xây dựng bản đồ tiếng ồn đối với các cảng hàng không, sân bay và phương án giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn do hoạt động hàng không dân dụng.

g) Tăng cường đầu tư sử dụng công nghệ, phương tiện, thiết bị mới, thân thiện môi trường nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm thiểu tác động gây ô nhiễm môi trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức triển khai phù hợp các nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch hành động trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm.

2. Giao trách nhiệm cụ thể cho một số cơ quan, đơn vị như sau:

a) Vụ Môi trường:

- Là đầu mối theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng kết quả thực hiện Kế hoạch hành động theo yêu cầu.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ đề xuất, xây dựng kế hoạch nhiệm vụ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch hành động.

- Chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b, c, d mục 3 và điểm a, e mục 6 Phần II.

b) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ tại điểm đ mục 1 và điểm a mục 3 Phần II.

c) Vụ Kế hoạch - Đầu tư chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a mục 2, điểm a mục 5 và điểm b mục 6 Phần II.

d) Vụ Vận tải chủ trì tham mưu thực hiện nhiệm vụ tại điểm d mục 4 Phần II.

đ) Vụ Khoa học - Công nghệ chủ trì tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khoa học - công nghệ để thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b, c mục 2 và điểm c mục 5 Phần II.

e) Cục Đăng kiểm Việt Nam chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b mục 4 và điểm a, b, c, e mục 7 Phần II.

g) Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại điểm e mục 3, điểm d mục 7 và điểm d mục 8 Phần II.

h) Cục Hàng không Việt Nam chủ trì thực hiện nhiệm vụ tại điểm đ mục 3 Phần II; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cảng hàng không, sân bay thực hiện nhiệm vụ tại điểm e mục 8 Phần II.

i) Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thực hiện nhiệm vụ tại điểm đ mục 4 Phần II.

k) Viện Chiến lược và Phát triển GTVT chủ trì thực hiện nhiệm vụ tại điểm a mục 4 Phần II.

l) Trường Cán bộ quản lý GTVT chủ trì thực hiện nhiệm vụ tại điểm b mục 1 Phần II.

m) Ban quản lý dự án và chủ đầu tư các dự án đầu tư, các công trình bảo trì kết cấu hạ tầng GTVT chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại điểm e mục 4, điểm b mục 5 và điểm c, d, đ mục 6 Phần II./.